

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC MÃ SỐ CHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I/ NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI:

1. Nội dung phân loại:

Phân loại theo Chương và cấp quản lý (viết tắt là Chương) là phân loại dựa trên cơ sở hệ thống tổ chức của các cơ quan, tổ chức trực thuộc một cấp chính quyền (gọi chung là cơ quan chủ quản) được tổ chức quản lý ngân sách riêng nhằm xác định trách nhiệm quản lý của cơ quan, tổ chức đó đối với ngân sách nhà nước. Trong các Chương có một số Chương đặc biệt dùng để phản ánh nhóm tổ chức, nhóm cá nhân có cùng tính chất, nhưng không thuộc cơ quan chủ quản. Ví dụ: Các hợp tác xã của các loại hình do cấp huyện quản lý đều được phản ánh vào Chương 756.

2. Mã số hoá các nội dung phân loại:

Các nội dung phân loại được mã số hoá 3 ký tự - $N_1N_2N_3$, quy định như sau:

$N_1N_2N_3$ có giá trị từ 001 đến 399 dùng để mã số hoá các cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý

$N_1N_2N_3$ có giá trị từ 400 đến 599 dùng để mã số hoá các cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý

$N_1N_2N_3$ có giá trị từ 600 đến 799 dùng để mã số hoá các cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý

$N_1N_2N_3$ có giá trị từ 800 đến 989 dùng để mã số hoá các cơ quan, tổ chức thuộc cấp xã quản lý

Ví dụ: Mã 018 dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính; mã 418 dùng để chỉ đơn vị thuộc Sở Tài chính; mã 618 dùng để chỉ Phòng Tài chính - Kế hoạch; mã 818 dùng để chỉ Tài chính xã.

3. Về hạch toán:

Căn cứ khoản thu ngân sách đơn vị có trách nhiệm quản lý, nộp ngân sách nhà nước thuộc cơ quan chủ quản để xác định mã số Chương; căn cứ khoản chi thuộc dự toán ngân sách giao đơn vị, dự án đầu tư thuộc cơ quan chủ quản để xác định mã số Chương. Trường hợp sử dụng kinh phí do ngân sách cấp trên uỷ quyền thì hạch toán Chương của cơ quan chủ quản thuộc ngân sách cấp trên đã uỷ quyền, ví dụ: Sở Giao thông - Vận tải sử dụng kinh phí do Bộ Giao thông - Vận tải uỷ quyền thì hạch toán mã số Bộ Giao thông - Vận tải (021), không hạch toán mã số của Sở Giao thông - Vận tải (421).

Khi hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước chỉ cần hạch toán mã số Chương; căn cứ vào khoảng cách nêu trên sẽ biết được khoản thu, chi thuộc cấp nào quản lý.

Đối với các khoản thu, chi liên quan hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, hạch toán vào Chương 002 (Văn phòng Quốc hội), không hạch toán vào Chương 402 (Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân).

Đối với mã số các Chương thuộc cấp huyện, xã: Mã số được quy định thống nhất toàn quốc. Do đó, các địa phương không được đặt mã số và tên Chương mới. Để phù hợp với thực tế tổ chức ở địa phương; giao Sở Tài chính hướng dẫn việc hạch toán mã số Chương ở địa phương. Ví dụ: Ở huyện tổ chức gộp chung các phòng có chức năng quản lý các ngành kinh tế vào Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì hạch toán mã số Chương 612 (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

II/ DANH MỤC MÃ SỐ CHƯƠNG:

Mã số	Tên	Ghi chú
Chương thuộc trung ương		Giá trị từ 001 đến 399
001	Văn phòng Chủ tịch nước	
002	Văn phòng Quốc hội	
003	Toà án nhân dân tối cao	
004	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	
005	Văn phòng Chính phủ	
008	Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng	
009	Bộ Công an	
010	Bộ Quốc phòng	
011	Bộ Ngoại giao	
012	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
013	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
014	Bộ Tư pháp	
016	Bộ Công Thương	
017	Bộ Khoa học và Công nghệ	
018	Bộ Tài chính	
019	Bộ Xây dựng	
021	Bộ Giao thông - Vận tải	
022	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
023	Bộ Y tế	
024	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	

Mã số	Tên	Ghi chú
025	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
026	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
027	Bộ Thông tin và Truyền thông	
035	Bộ Nội vụ	
036	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
037	Thanh tra Chính phủ	
038	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	
039	Kiểm toán Nhà nước	
040	Đài Tiếng nói Việt Nam	
041	Đài Truyền hình Việt Nam	
042	Thông tấn xã Việt Nam	
044	Đại học Quốc gia Hà Nội	
045	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	
046	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
048	Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	
049	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	
050	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
083	Ủy ban Dân tộc	
088	Ủy ban sông Mê Kông	
100	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
105	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp	
107	Liên hiệp các tổ chức hoà bình và hữu nghị	
109	Văn phòng Trung ương Đảng	
110	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
111	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	
112	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
113	Hội Nông dân Việt Nam	
114	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	
115	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	
119	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	
120	Tổng công ty Đá quý và vàng Việt Nam	
121	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam	
122	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	

Mã số	Tên	Ghi chú
123	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	
124	Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam	
125	Tổng công ty Hoá chất Việt Nam	
126	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	
127	Tổng công ty Thép Việt Nam	
128	Tổng công ty Giấy Việt Nam	
129	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	
130	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	
131	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	
132	Tổng công ty Lương thực miền Nam	
133	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	
134	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	
135	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	
136	Tổng công ty Xăng dầu	
137	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	
138	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	
139	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	
140	Ngân hàng Công thương Việt Nam	
141	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	
142	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
143	Ngân hàng Chính sách xã hội	
144	Ngân hàng Nhà đồng bằng sông Cửu Long	
146	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	
151	Các đơn vị kinh tế có 100% vốn đầu tư nước ngoài vào Việt nam	
152	Các đơn vị kinh tế liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài	
153	Các đơn vị kinh tế Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài	
154	Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh	
158	Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của Nhà nước	
160	Các quan hệ khác của ngân sách	
161	Nhà thầu chính ngoài nước	
162	Nhà thầu phụ ngoài nước	

Mã số	Tên	Ghi chú
165	Tổng công ty Điện tử và Tin học	
167	Tổng công ty Da giày Việt nam	
169	Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt nam	
170	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	
171	Tổng công ty Mía đường I	
172	Tổng công ty Mía đường II	
173	Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm - Bảo Việt (Tập đoàn Bảo Việt)	
174	Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	
175	Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	
176	Các công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên	(để hạch toán các đơn vị không thuộc chủ quản của một trong các Chương trên)
399	Các đơn vị khác	
Mã số chương thuộc cấp tỉnh		Giá trị từ 400 đến 599
402	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	
405	Văn phòng Ủy ban nhân dân	
411	Sở Ngoại vụ	
412	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
413	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
414	Sở Tư pháp	
416	Sở Công Thương	
417	Sở Khoa học và Công nghệ	
418	Sở Tài chính	
419	Sở Xây dựng	
421	Sở Giao thông - Vận tải	
422	Sở Giáo dục và Đào tạo	
423	Sở Y tế	
424	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
425	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
426	Sở Tài nguyên và Môi trường	

Mã số	Tên	Ghi chú
427	Sở Thông tin và Truyền thông	
435	Sở Nội vụ	
437	Thanh tra tỉnh	
439	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	
440	Đài Phát thanh	
441	Đài Truyền hình	
448	Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	
483	Ban Dân tộc	
505	Ban quản lý khu công nghiệp	
509	Văn phòng Tỉnh uỷ	
510	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
511	Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	
512	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
513	Hội Nông dân tỉnh	
514	Hội Cựu chiến binh tỉnh	
515	Liên đoàn lao động tỉnh	
552	Các đơn vị kinh tế liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài	
553	Các đơn vị kinh tế có vốn đầu tư ra nước ngoài	
554	Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh	
555	Kinh tế tư nhân	
556	Kinh tế tập thể	(gồm các loại hình hợp tác xã)
557	Kinh tế cá thể	
558	Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của nhà nước	
560	Các quan hệ khác của ngân sách	
561	Nhà thầu chính ngoài nước	
562	Nhà thầu phụ ngoài nước	
563	Các Tổng công ty địa phương quản lý	
564	Các công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên	(để hạch toán các đơn vị không thuộc chủ quản của một trong các Chương trên)
599	Các đơn vị khác	

Mã số	Tên	Ghi chú
Mã số chương thuộc cấp huyện		Giá trị từ 600 đến 799
605	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	
612	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
614	Phòng Tư pháp	
616	Phòng Công Thương	
618	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
619	Phòng Quản lý đô thị	
620	Phòng Kinh tế	
622	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
623	Phòng Y tế	
624	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
625	Phòng Văn hoá và Thông tin	
626	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
635	Phòng Nội vụ	
637	Thanh tra huyện	
640	Đài Phát thanh	
648	Bệnh viện huyện	
709	Huyện uỷ	
710	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	
711	Huyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	
712	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	
713	Hội Nông dân huyện	
714	Hội Cựu chiến binh huyện	
715	Liên đoàn Lao động huyện	
754	Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh	
755	Kinh tế tư nhân	
756	Kinh tế tập thể	(gồm các loại hình hợp tác xã)
757	Kinh tế cá thể	
758	Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của Nhà nước	
760	Các quan hệ khác của ngân sách	
799	Các đơn vị khác	

Mã số	Tên	Ghi chú
Mã số chương thuộc cấp xã		Giá trị từ 800 đến 989
802	Văn phòng Hội đồng nhân dân	
805	Văn phòng Ủy ban nhân dân	
809	Ban công an	
810	Ban quân sự	
811	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã	
812	Hội Liên hiệp phụ nữ xã	
813	Hội Nông dân xã	
814	Hội Cựu chiến binh xã	
818	Tài chính xã	
819	Đảng ủy xã	
820	Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã	
822	Trường Mầm non, nhà trẻ	
823	Trạm Y tế xã	
839	Thanh tra xây dựng xã	
854	Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh	
855	Kinh tế tư nhân	
856	Kinh tế tập thể	
857	Kinh tế cá thể	
860	Các quan hệ khác của ngân sách	
989	Các đơn vị khác	

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Công Nghiệp